

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2018

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI  
Năm báo cáo 2017**

**I. Thông tin chung**

*1. Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài/Noibai Catering Services Joint Stock Company (tên viết tắt: NCS)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101509403
- Vốn điều lệ: 179.490.980.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 179.490.980.000 VND
- Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: 0423 884 0289
- Số fax: 0423 884 0199
- Website: noibaicatering.com.vn
- Mã cổ phiếu: NCS

*Quá trình hình thành và phát triển*

- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Xí nghiệp sản xuất chế biến suất ăn Nội Bài theo Quyết định số 983/QĐ-BGTVT ngày 15/4/2004 của Bộ Giao thông Vận tải.

- Công ty thực hiện đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam năm 2010, bổ sung năm 2015 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 134/2010/GCNCP-VSD và số 134/2010/GCNCP-VSD-1 với tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài; mã chứng khoán: NCS. Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ ba số 134/2010/GCNCP-VSD-3 được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 27/11/2017.

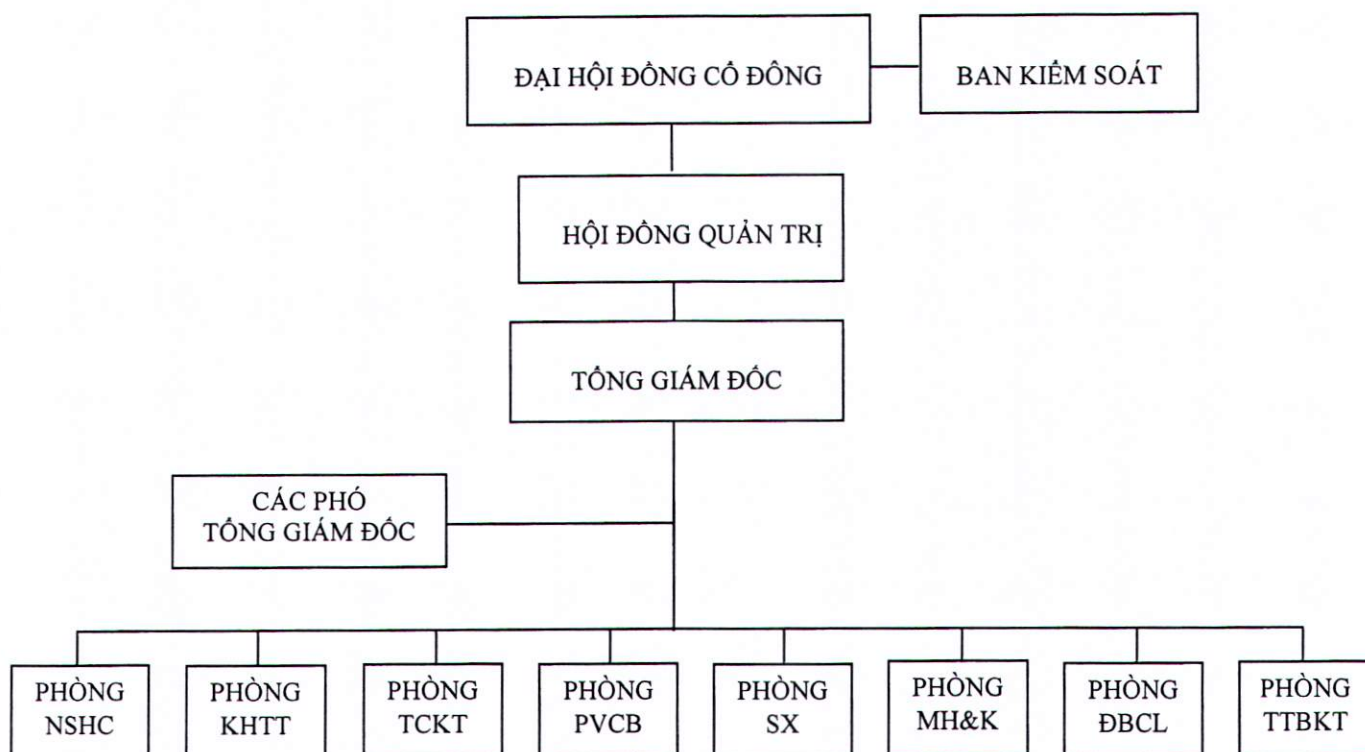
*2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

- Ngành nghề kinh doanh: Chế biến suất ăn phục vụ hành khách của các hãng hàng không, các chuyến bay chuyên cơ.

- Địa bàn kinh doanh: Cảng hàng không quốc tế Nội Bài.

*3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

- Mô hình quản trị, Cơ cấu bộ máy quản lý



- Các công ty con, công ty liên kết: Không.

#### 4. Định hướng phát triển

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: trở thành Công ty đứng đầu khu vực về chất lượng sản phẩm và dịch vụ.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng: đảm bảo vệ sinh môi trường nơi làm việc; không ngừng tổ chức, tham gia các hoạt động xã hội từ thiện; thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa doanh nghiệp, thực hiện tiết kiệm phòng chống lãng phí.

#### 5. Các rủi ro

Suy giảm và bất ổn của tình hình kinh tế thế giới ảnh hưởng không nhỏ tới kinh tế Việt Nam nói chung và ngành hàng không nói riêng. Năm 2017 tiếp tục là một năm khó khăn với tất cả các hãng hàng không trên thế giới và trong nước.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được thể hiện qua một số chỉ tiêu chính như sau:

- Sản lượng chuyến bay: phục vụ 55.223 chuyến – bằng 108% kế hoạch năm, tăng 14% so với năm 2016.
- Sản lượng suất ăn: cung ứng 7.835.196 suất – bằng 103% kế hoạch năm, tăng 13% so với năm 2016.
- Doanh thu: 616,343 tỷ đồng – bằng 108% so với kế hoạch năm, tăng 15% so với năm 2016 (đã tính giảm trừ 15,8 tỷ đồng chiết khấu).
- Tổng chi phí: 511,192 tỷ đồng - bằng 105% kế hoạch năm, tăng 13% so với năm 2016.

- Lợi nhuận trước thuế: 105,150 tỷ đồng – bằng 123% so với kế hoạch năm, tăng 24% so với năm 2016.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Số cổ phần có quyền biểu quyết
1	Trần Thanh Sơn	Tổng giám đốc	Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân chính trị	0
2	Vương Thị Phúc Minh	Phó Tổng giám đốc	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Cử nhân kinh tế	0
3	Võ Đức Hiếu	Kế toán trưởng kiêm TP Tài chính Kế toán	Cử nhân kinh tế	0
4	Nguyễn Hữu Nghĩa	TP Phục vụ chuyến bay	Cử nhân kinh tế; Kỹ sư quản lý đất đai	0
5	Đặng Thị Tân Hoi	TP Sản xuất	Cử nhân kinh tế	0
6	Vũ Hồng Hạnh	PTP phụ trách Phòng Đảm bảo chất lượng	Kỹ sư công nghệ thực phẩm	0
7	Trần Quang Đoài	PTP phụ trách Phòng Trang thiết bị Kỹ thuật	Kỹ sư kinh tế vận tải ô tô	0
8	Nguyễn Quỳnh Hương	PTP phụ trách Phòng Mua hàng và kho	Cử nhân kinh tế	0
9	Trần Quốc Hùng	TP Kế hoạch thị trường	Thạc sỹ tài chính ứng dụng, Cử nhân thương mại	0
10	Nguyễn Tú Anh	PTP phụ trách Phòng Nhân sự Hành chính	Cử nhân Kinh tế	0

- Những thay đổi trong ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức danh	Lý do thay đổi
1	Phạm Ngọc Long	Phó Tổng giám đốc	Chấm dứt HĐLĐ
2	Trịnh Thị Ngọc Anh	TP Đảm bảo chất lượng	Chấm dứt HĐLĐ

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 669 người. Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện chủ trương tăng cường kiểm soát chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm, và đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty còn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động của các tổ chức xã hội khác, đảm bảo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2017, Công ty tiếp tục triển khai thực hiện Dự án “Đầu tư xây dựng cơ sở chế biến suất ăn Hàng không Nội Bài” và các hạng mục Đầu tư trang thiết bị năm 2017.

- Các công ty con, công ty liên kết: không.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2017	Năm 2016	% Tăng giảm
Doanh thu bán hàng và dịch vụ	630,152,543,725	545,993,126,408	15%
Doanh thu thuần bán hàng và dịch vụ	614,284,809,352	532,981,385,359	15%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	105,150,569,968	84,655,601,776	24%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	83,094,666,298	67,631,679,421	22%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4,589	4,057	13%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,96	2.59
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	2,84	2.44
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,48	0.29
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,91	0.41
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho:	47,04	40.56
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,35	2.29
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	14%	13%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	35%	41.14%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	18%	29.10%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

Số lượng cổ phiếu: 17.949.098, trong đó:

- Cổ phiếu đang lưu hành: 17.948.210 cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ: 888 cổ phiếu.

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure:

Theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ):

+ Cổ đông lớn:

TT	Họ và Tên	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	SLCP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	0100107518	Số 200, Nguyễn Sơn, Bồ Đề, Long Biên, TP. Hà Nội	10.800.607	60,17
2	Công ty TNHH MTV DV Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất	0301123125	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	1.800.100	10,03
<b>Tổng cộng</b>				<b>12.600.707</b>	<b>70,2</b>

+ Cổ đông nhỏ: 471 cổ đông, sở hữu 5.348.391 cổ phần đã phát hành của Công ty.

STT	Danh mục	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông nhà nước	12.906.722	71,9	3	3	0
2	Cổ đông sáng lập	12.906.722	71,9	3	3	0
3	Cổ đông lớn (sở hữu 5% CP trở lên)	12.600.707	70,2	2	2	0
4	Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	888	0	-	-	-
6	Cổ đông khác	5.042.376	28,1	471	8	463
<b>Tổng cộng</b>		<b>17.949.098</b>	<b>100%</b>	<b>473</b>	<b>8</b>	<b>465</b>
Trong đó:						
- Trong nước		17.733.294	98,79	457	6	451
- Nước ngoài		215.804	1,21	16	2	22

a) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2017, Công ty đã phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 119.803.340.000 đồng lên 179.490.980.000 đồng.

b) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có.

c) Các chứng khoán khác: không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: điện và máy phát điện
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có.
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng; báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có.

#### 6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nguồn cung cấp nước Tổng công ty Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài/ 90.000 m<sup>3</sup> nước.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không

#### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.

#### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

Năm 2017, Công ty luôn thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, các chế độ hiện hành theo qui định của Nhà nước được thực hiện đầy đủ. Công ty đã chi trả tiền lương, tiền thưởng đúng hạn. Các chế độ liên quan đến người lao động như: bảo hộ lao động, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thân thể, đặc biệt là bảo hiểm sức khỏe và tai nạn cho người lao động được Công ty quan tâm thực hiện. Môi trường và các điều kiện làm việc được cải thiện và đảm bảo an toàn.

Công ty đã thực hiện trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, thực hiện các chế độ trợ cấp cho người lao động đảm bảo đúng quy định về pháp luật lao động của Nhà nước.

Thường xuyên phối hợp với các cơ quan đoàn thể tổ chức các hoạt động nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng đời sống tinh thần cho người lao động; tổ chức thăm quan, du lịch ở trong và ngoài nước đối với các lao động đạt thành tích xuất sắc trong công việc, tổ chức nghỉ mát cho người lao động.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương  
Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

##### **Thuận lợi**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tăng trưởng đáng kể, chủ yếu là do một số hãng hàng không tăng chuyến bay hoặc tần suất bay.

##### **Khó khăn**

Nhà xưởng xuống cấp, diện tích chật hẹp làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh và việc duy trì hệ thống chất lượng của Công ty. Do chủ động nắm bắt tình hình thị trường ngay từ đầu năm, Công ty đã tích cực triển khai các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh nhằm tận dụng tối đa các cơ hội và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD được giao, số liệu cụ thể như sau:

- Sản lượng chuyến bay: phục vụ 55.223 chuyến – bằng 108% kế hoạch năm, tăng 14% so với năm 2016.
- Sản lượng suất ăn: cung ứng 7.835.196 suất – bằng 103% kế hoạch năm, tăng 13% so với năm 2016.
- Doanh thu: 616,343 tỷ đồng – bằng 105% so với kế hoạch năm, tăng 15% so với năm 2016 (đã tính giảm trừ 15,8 tỷ đồng chiết khấu).
- Tổng chi phí: 511,192 tỷ đồng - bằng 105% kế hoạch năm, tăng 13% so với năm 2016.
- Lợi nhuận trước thuế: 105,150 tỷ đồng – bằng 123% so với kế hoạch năm, tăng 24% so với năm 2016.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>244.586.196.429</b>	<b>176.294.710.187</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>86.799.342.379</b>	<b>92.008.370.799</b>
1. Tiền	111		53.799.342.379	42.405.398.460
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.000.000.000	49.602.972.339
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>142.480.020.974</b>	<b>73.455.108.839</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	61.166.196.998	53.738.123.326
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	82.367.700.000	20.166.672.127
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		149.808.929	753.998.339
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(1.203.684.953)	(1.203.684.953)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.5</b>	<b>9.890.060.734</b>	<b>10.498.867.247</b>
1. Hàng tồn kho	141		9.890.060.734	10.498.867.247
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.416.772.342</b>	<b>332.363.302</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.10	5.416.772.342	332.363.302
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>211.355.467.072</b>	<b>56.091.631.743</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.068.340.000</b>	<b>1.891.600.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		2.068.340.000	1.891.600.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>47.647.318.292</b>	<b>30.482.407.545</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	45.313.173.819	30.290.852.523
Nguyên giá	222		157.778.595.658	129.960.038.537
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(112.465.421.839)	(99.669.186.014)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	2.334.144.473	191.555.022
Nguyên giá	228		5.145.421.818	2.852.240.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.811.277.345)	(2.660.684.978)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>161.395.322.416</b>	<b>23.371.506.654</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	161.395.322.416	23.371.506.654
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>244.486.364</b>	<b>346.117.544</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		244.486.364	346.117.544
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>455.941.663.501</b>	<b>232.386.341.930</b>

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Tình hình thanh toán của NCS trong năm ổn định, duy trì mức tiền mặt phù hợp, đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh. Cân đối các khoản thu chi, căn cứ vào từng thời điểm, Công ty gửi các khoản tiền nhân rồi, tăng doanh thu hoạt động tài chính.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Trong năm 2017, tình hình thanh toán của Công ty bình thường. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái không đáng kể và không làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chi tiết về tình hình nợ phải trả của công ty được thể hiện tại bảng dưới đây:

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>217.313.732.207</b>	<b>67.994.020.304</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>82.691.782.521</b>	<b>67.994.020.304</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	37.429.487.373	25.955.279.932
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	8.771.531.535	4.817.794.054
3. Phải trả người lao động	314		22.839.315.784	25.932.508.151
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		211.439.589	480.803.162
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		522.444.737	109.946.802
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.11	12.917.563.503	10.697.688.203
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>134.621.949.686</b>	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.12	134.621.949.686	-

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Áp dụng điều hành linh hoạt, bám sát diễn biến tình hình thị trường; sắp xếp bố trí nhân lực hợp lý, tiết kiệm nguồn lực; kiểm soát chi phí sản xuất chặt chẽ thông qua định mức; chủ động thiết kế sản phẩm mới phù hợp với từng khách hàng, tập trung chào hàng, cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ; thường xuyên bám sát, theo dõi sát sao biến động giá cả của thị trường để kiểm soát chi phí đầu vào, đàm phán với nhà cung cấp nguyên vật liệu chính để kiểm soát tốt CPI chung...

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Giữ vững thị phần thông qua chính sách chất lượng và giá cả phù hợp;
- Không ngừng cải tiến và đảm bảo chất lượng sản phẩm dịch vụ nhằm thỏa mãn đầy đủ nhu cầu theo từng phân khúc khách hàng, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; chuẩn bị đầy đủ mọi nguồn lực đáp ứng nhu cầu tăng trưởng của thị trường hàng không.
- Sắp xếp lại mô hình tổ chức phù hợp với yêu cầu sản xuất, nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Bồi dưỡng, nâng cao vai trò quản lý, điều hành của cán bộ quản lý các cấp; Xây dựng đội ngũ lao động chuyên nghiệp, có tay nghề cao, chuyên môn giỏi, trung thành với lợi ích của Công ty.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): tuân thủ nghiêm ngặt đối với các quy định về môi trường.



b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Năm 2017, Công ty luôn thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, các chế độ hiện hành theo qui định của Nhà nước được thực hiện đầy đủ. Công ty đã chi trả tiền lương, tiền thưởng đúng hạn.. Các chế độ liên quan đến người lao động như: bảo hộ lao động, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thân thể, đặc biệt là bảo hiểm sức khỏe và tai nạn cho người lao động được Công ty quan tâm thực hiện. Môi trường và các điều kiện làm việc được cải thiện và đảm bảo an toàn.

Công ty đã thực hiện trích nộp BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ trợ cấp cho người lao động đảm bảo đúng quy định về pháp luật lao động của Nhà nước, các quy chế của Công ty.

Thường xuyên phối hợp với các tổ chức đoàn thể tổ chức các hoạt động nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng đời sống tinh thần cho người lao động; tổ chức tham quan du lịch cho người lao động đạt thành tích xuất sắc trong công tác trong và ngoài nước, tổ chức nghỉ mát cho người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và được ghi nhận, tuyên dương.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

##### *1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

Mặc dù điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, song năm 2017, tập thể lãnh đạo và người lao động đã đồng lòng, quyết tâm vượt qua mọi thử thách. Với các biện pháp quản trị linh hoạt, thực hiện tốt chính sách tiết kiệm, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, đảm bảo việc làm và thu nhập của người lao động, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

##### *2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

- Năm 2017, Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty linh hoạt, đạt kết quả tốt.

- Ban lãnh đạo đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng các định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- + Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Hội đồng quản trị phê duyệt;
- + Hoàn thiện việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018;
- + Tiếp tục triển khai Dự án xây dựng cơ sở chế biến suất ăn mới;
- + Chỉ đạo thực hiện nghiêm các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;
- + Triển khai hiệu quả các giải pháp trọng tâm đã được Hội đồng quản trị phê duyệt..

##### *3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Trước nhận định năm 2018 và giai đoạn tới vẫn còn nhiều khó khăn, với định hướng tiếp tục tập trung duy trì tăng trưởng bền vững, Hội đồng quản trị thống nhất tập trung thực hiện các giải pháp sau:

- Bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để đưa ra các giải pháp, chỉ đạo kịp thời nhằm không ngừng nâng cao và cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ, giữ khách hàng hiện có và tìm kiếm thêm khách hàng mới.

- Xây dựng và nâng cao hệ thống quản trị, các chỉ số quản trị cho từng mảng công việc.
- Tăng cường hiệu quả quản trị chi phí: sử dụng bộ chỉ số quản trị dựa trên áp dụng phần mềm tổng thể quản trị sản xuất; nâng cao hiệu quả quản trị chi phí, đặc biệt là quản trị chi phí nguyên vật liệu.
- Có các quyết sách kịp thời trong việc thu hút người lao động có chuyên môn, tay nghề cao, đặc biệt là đội ngũ đầu bếp.
- Quyết liệt trong chỉ đạo và triển khai dự án đầu tư cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài để sớm đưa vào khai thác.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Phạm Ngọc Vui	Chủ tịch	0%	Thành viên không điều hành
2	Trần Thanh Sơn	Thành viên	0%	Thành viên điều hành
3	Đặng Ngọc Cương	Thành viên	0%	Thành viên không điều hành
4	Vũ Thành Đạt	Thành viên	0%	Thành viên không điều hành
5	Nguyễn Văn Hùng Cường	Thành viên	0%	Thành viên không điều hành

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2017, sự chuyển biến tích cực của nền kinh tế toàn cầu đã tác động tốt đến thị trường vận tải hàng không. Cùng với việc áp dụng các chính sách phù hợp, Công ty đã hoàn thành kế hoạch được giao. Tuy nhiên, ngoài những yếu tố thuận lợi, Công ty còn phải đối mặt với không những khó khăn không nhỏ: thiếu lao động chuyên môn có tay nghề cao; cơ sở vật chất của công ty đã được cải thiện song chưa đồng bộ, nhà xưởng chật hẹp, xuống cấp...

Với vai trò là cơ quan quản lý Công ty, Hội đồng quản trị đã thể hiện quyết tâm cao trong việc chỉ đạo Tổng Giám đốc Công ty phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được giao.

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã duy trì hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị với số lượng thành viên là 05 người. Hội đồng quản trị đã họp 16 phiên (bao gồm cả các phiên họp dưới hình thức xin ý kiến thành viên bằng văn bản), trong đó tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017; tổ chức triển khai Dự án đầu tư xây dựng cơ sở chế biến suất ăn mới; thực hiện công tác nhân sự; chỉ đạo sát sao công tác đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, phát triển thị trường; giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban

điều hành trong việc thực thi Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ban hành các quy chế quản trị, quy định nội bộ. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị dựa trên sự nhất trí, đồng thuận của các thành viên Hội đồng quản trị, trên cơ sở lợi ích của các cổ đông và vì sự phát triển bền vững của Công ty.

Những nỗ lực trong hoạt động quản trị doanh nghiệp của Hội đồng quản trị năm 2017 đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không.

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Võ Đức Hiếu	Trưởng ban	0%	Miễn nhiệm từ ngày 26/4/2017
2	Vũ Mạnh Phú	Thành viên	0%	
3	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Thành viên/ Trưởng ban	0%	Bỏ nhiệm Trưởng ban từ ngày 08/12/2017
4	Đình Hồng Sơn	Thành viên	0%	Bỏ nhiệm từ ngày 14/11/2017

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2017, Ban kiểm soát Công ty đã tiến hành họp 04 phiên. Nội dung các cuộc họp:

- + Xem xét báo cáo tài chính các quý, báo cáo tài chính năm và báo cáo kiểm toán;
- + Xem xét việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017;
- + Xem xét công tác quản lý/điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc;
- + Thẩm định báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016 và xem xét việc chỉ định công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017;
- + Xem xét các tài liệu họp Hội đồng quản trị; báo cáo nội bộ của Ban điều hành theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- + Chuẩn bị ý kiến đóng góp cho các nội dung họp của Hội đồng quản trị và thống nhất nội dung Báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017.

Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017 đã giúp cho Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật trong mọi lĩnh vực kinh doanh.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017 được trả theo mức được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể mức thù lao đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị là 7.400.000 đồng/tháng; thành viên HĐQT/Trưởng ban kiểm soát là 6.400.000 đồng/tháng và thành viên Ban kiểm soát là 5.400.000 đồng/tháng.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: giao dịch theo đúng tỷ lệ được chia cho cổ đông hiện hữu trong năm 2017.


c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy hiện tại đang đáp ứng được nhu cầu quản trị, điều hành của Ban Giám đốc và đảm bảo hiệu quả của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành.

## **VI. Báo cáo tài chính**

1. *Ý kiến kiểm toán:* “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán:* Đính kèm báo cáo này. 

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Trần Thanh Sơn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN  
HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**MỤC LỤC**

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 33

**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**

Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh,  
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC****HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Ngọc Vui	Chủ tịch	
Ông Đặng Ngọc Cương	Thành viên	
Ông Trần Thanh Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Hùng Cường	Thành viên	
Ông Phạm Ngọc Long	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 26/4/2017)
Ông Vũ Thành Đạt	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 14/11/2017)

**BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Võ Đức Hiếu	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 26/4/2017)
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 08/12/2017)
Ông Vũ Mạnh Phú	Thành viên	
Ông Đinh Hồng Sơn	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 14/11/2017)

**BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Giám đốc trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	
Bà Vương Thị Phúc Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	(Miễn nhiệm ngày 20/4/2017) (Miễn nhiệm ngày 31/3/2017)

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, *h*



Trần Thanh Sơn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 02 năm 2018

1789-C  
ÔNG T  
TNHH  
ĐÁN & T  
VIỆT  
-HI NHÁ  
HÀ NỘI  
IẤY - T



Số: 07/2018/RSMHN-BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP***V/v: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017  
của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài***Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài****Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 33.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Thành Lâm**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0299-2018-026-1

*Thay mặt và đại diện*  
**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
**Thành viên Hãng RSM Quốc tế**

*Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2018*

**Lê Văn Hoài**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0023-2018-026-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>244.586.196.429</b>	<b>176.294.710.187</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>86.799.342.379</b>	<b>92.008.370.799</b>
1. Tiền	111		53.799.342.379	42.405.398.460
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.000.000.000	49.602.972.339
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>142.480.020.974</b>	<b>73.455.108.839</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	61.166.196.998	53.738.123.326
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	82.367.700.000	20.166.672.127
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		149.808.929	753.998.339
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(1.203.684.953)	(1.203.684.953)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.5</b>	<b>9.890.060.734</b>	<b>10.498.867.247</b>
1. Hàng tồn kho	141		9.890.060.734	10.498.867.247
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.416.772.342</b>	<b>332.363.302</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.10	5.416.772.342	332.363.302
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>211.355.467.072</b>	<b>56.091.631.743</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.068.340.000</b>	<b>1.891.600.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		2.068.340.000	1.891.600.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>47.647.318.292</b>	<b>30.482.407.545</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	45.313.173.819	30.290.852.523
Nguyên giá	222		157.778.595.658	129.960.038.537
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(112.465.421.839)	(99.669.186.014)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	2.334.144.473	191.555.022
Nguyên giá	228		5.145.421.818	2.852.240.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.811.277.345)	(2.660.684.978)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>161.395.322.416</b>	<b>23.371.506.654</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	161.395.322.416	23.371.506.654
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>244.486.364</b>	<b>346.117.544</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		244.486.364	346.117.544
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>455.941.663.501</b>	<b>232.386.341.930</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh  
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>217.313.732.207</b>	<b>67.994.020.304</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>82.691.782.521</b>	<b>67.994.020.304</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	37.429.487.373	25.955.279.932
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	8.771.531.535	4.817.794.054
3. Phải trả người lao động	314		22.839.315.784	25.932.508.151
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		211.439.589	480.803.162
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		522.444.737	109.946.802
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.11	12.917.563.503	10.697.688.203
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>134.621.949.686</b>	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.12	134.621.949.686	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>238.627.931.294</b>	<b>164.392.321.626</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.13</b>	<b>238.627.931.294</b>	<b>164.392.321.626</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		179.490.980.000	119.803.340.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		179.490.980.000	119.803.340.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(8.880.000)	(8.880.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		59.145.831.294	44.597.861.626
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.619.523.626	7.976.611.147
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		50.526.307.668	36.621.250.479
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>455.941.663.501</b>	<b>232.386.341.930</b>



Trần Thanh Sơn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 02 năm 2018

Võ Đức Hiếu  
Kế toán trưởng

Vũ Thị Thu Hà  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ	01	5.1	630.152.543.725	545.993.126.408
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	15.867.734.373	13.011.741.049
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>614.284.809.352</b>	<b>532.981.385.359</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	479.536.098.548	425.853.071.147
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>134.748.710.804</b>	<b>107.128.314.212</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	1.646.261.447	2.851.618.299
7. Chi phí tài chính	22		319.118.487	210.061.477
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	7.240.204.153	6.104.215.489
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	23.532.267.224	19.384.096.574
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>105.303.382.387</b>	<b>84.281.558.971</b>
11. Thu nhập khác	31		412.111.201	374.042.805
12. Chi phí khác	32		564.923.620	-
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(152.812.419)</b>	<b>374.042.805</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>105.150.569.968</b>	<b>84.655.601.776</b>
15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	22.055.903.670	17.023.922.355
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>83.094.666.298</b>	<b>67.631.679.421</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.13.4	4.589	4.057
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	4.13.4	4.589	4.057



Trần Thanh Sơn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 02 năm 2018

Võ Đức Hiếu  
Kế toán trưởng

Vũ Thị Thu Hà  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>5.7</b>	<b>105.150.569.968</b>	<b>84.655.601.776</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.8	13.788.062.417	9.974.882.808
- (Lãi)/lỗ CLTGHĐ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		13.228.545	(189.976.928)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(1.084.887.091)	(1.686.360.838)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>117.866.973.839</b>	<b>92.754.146.818</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(18.002.240.152)	11.541.342.900
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		608.806.513	(1.834.713.096)
- Tăng các khoản phải trả	11		3.018.570.827	2.174.809.042
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		101.631.180	(211.076.407)
- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.7	(17.895.798.580)	(20.086.142.059)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.429.591.330)	(4.259.762.614)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>79.268.352.297</b>	<b>80.078.604.584</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(219.931.183.017)	(40.241.416.100)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TSDH khác	22		152.727.272	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		891.854.972	1.951.676.796
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(218.886.600.773)</b>	<b>(38.289.739.304)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của CSH	31	4.13	59.687.640.000	39.803.590.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	4.12	134.621.949.686	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.13	(59.897.230.000)	(62.573.899.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>134.412.359.686</b>	<b>(22.770.309.800)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>(5.205.888.790)</b>	<b>19.018.555.480</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>4.1</b>	<b>92.008.370.799</b>	<b>72.983.871.210</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.139.630)	5.944.109
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4.1</b>	<b>86.799.342.379</b>	<b>92.008.370.799</b>



Trần Thanh Sơn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 02 năm 2018

Võ Đức Hiếu  
Kế toán trưởng

Vũ Thị Thu Hà  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 983/QĐ-BGTVT ngày 15/4/2004 của Bộ Giao thông Vận tải, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004824 ngày 07/7/2004 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và các giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần 19 ngày 12/5/2017.

Ngày 16/6/2010, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 134/2010/GCNCP-VSD. Theo đó, Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã Chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 16/6/2010 với tên chứng khoán là Cổ phiếu Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài, mã chứng khoán NCS.

Ngày 12/11/2015, Công ty chính thức niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là NCS theo Quyết định số 749/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất là 119.803.340.000 VND, chia thành 119.803.340.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP chiếm 60,1% vốn điều lệ và các cổ đông khác nắm giữ 39,9% vốn điều lệ.

Công ty có trụ sở chính tại sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2017 là 665 người (tại ngày 31/12/2016 là 663 người).

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực thực phẩm.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến suất ăn phục vụ: Hành khách của hãng hàng không, các chuyến bay chuyên cơ;
- Dịch vụ ăn uống khác: Cung cấp suất ăn và dịch vụ cho khách hàng trong và ngoài ngành hàng không. Cung cấp dịch vụ liên quan đến quá trình sản xuất, cung ứng suất ăn;
- Bán buôn đồ uống: Bán buôn đồ uống có cồn và bán buôn đồ uống không có cồn;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp để chế biến suất ăn; và
- Sản xuất các loại bánh từ bột.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2.2 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

**3.2 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.5 Hàng tồn kho (tiếp)**

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	<b>Năm 2017 (Năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-08
Máy móc, thiết bị	03-07
Phương tiện vận tải	03-08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.7 Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.8 Vốn chủ sở hữu*****Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.8 Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.9 Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**3.10 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.11 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí quảng cáo, chăm sóc khách hàng, phí nhượng quyền khai thác...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, chi phí trang phục của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...) và các chi phí bằng tiền khác.

**3.12 Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính "Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp". Theo đó, các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

789-  
NG T  
NH  
IN & T  
IẾT  
NHÀ  
NỘI  
Y - T.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.12 Ngoại tệ (tiếp)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.13 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.15 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.16 Thuế**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Năm 2017, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.16 Thuế (tiếp)**

**Thuế giá trị gia tăng**

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp theo các mức thuế như sau:

▪ Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các chuyến bay quốc tế	0%
▪ Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các chuyến bay quốc nội	10%
▪ Các dịch vụ khác	10%

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.17 Công cụ tài chính**

***Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày***

**Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính, được phân loại lại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

***Giá trị sau ghi nhận lần đầu***

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các khoản đã ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	73.071.500	184.680.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	53.726.270.879	42.220.717.960
Các khoản tương đương tiền (i)	33.000.000.000	49.602.972.339
<b>Cộng</b>	<b>86.799.342.379</b>	<b>92.008.370.799</b>

(i) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại một số ngân hàng mà Công ty đang giao dịch.

**4.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
<b>Phải thu từ các bên liên quan</b>	<b>21.035.019.236</b>	<b>18.466.621.795</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	20.381.880.684	17.275.228.303
Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific	375.935.318	514.308.611
Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	-	474.650.000
Công ty Bay Dịch vụ Hàng không	277.203.234	202.434.881
<b>Các khoản phải thu bên thứ ba</b>	<b>40.131.177.762</b>	<b>35.271.501.531</b>
Korean Air	7.506.371.313	3.855.035.539
Asiana Airlines	5.026.272.836	4.027.232.010
Công ty Cổ phần Hàng không VietJet	8.079.780.454	4.477.820.041
Nippon Airways	1.967.102.137	4.357.783.472
Aeroflot Russian Intl Airlines - SU	3.881.642.591	3.186.685.616
Emirates- EK	3.133.333.614	4.532.894.966
Các khách hàng khác	10.536.674.817	10.834.049.887
<b>Cộng</b>	<b>61.166.196.998</b>	<b>53.738.123.326</b>

**4.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
<b>Trả trước cho bên thứ ba</b>	<b>82.367.700.000</b>	<b>20.166.672.127</b>
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP	-	15.076.600.000
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Hà Thành	12.462.000.000	-
Công ty CP Quốc tế Bảo Thạch	31.880.000.000	-
Công ty CP Công nghiệp lạnh Hưng Trí	13.720.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	24.305.700.000	5.090.072.127
<b>Cộng</b>	<b>82.367.700.000</b>	<b>20.166.672.127</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh  
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Hàng không Đông Dương	1.203.684.953	1.203.684.953
<b>Cộng</b>	<b>1.203.684.953</b>	<b>1.203.684.953</b>

Đây là khoản phải thu đã quá hạn 4 năm, Ban Giám đốc đánh giá không có khả năng thu hồi và đã thực hiện trích lập dự phòng 100% các năm trước theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**4.5 Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.469.472.950	9.398.612.039
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.420.587.784	1.100.255.208
<b>Cộng</b>	<b>9.890.060.734</b>	<b>10.498.867.247</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh  
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.6 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2017	23.840.219.027	32.468.862.687	42.230.859.954	31.420.096.869	129.960.038.537
Mua sắm	-	1.706.901.818	25.358.992.028	1.593.897.500	28.659.791.346
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(841.234.225)	-	(841.234.225)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>23.840.219.027</b>	<b>34.175.764.505</b>	<b>66.748.617.757</b>	<b>33.013.994.369</b>	<b>157.778.595.658</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2017	18.808.939.211	22.544.884.665	30.236.313.827	28.079.048.311	99.669.186.014
Khấu hao	4.025.023.853	3.077.505.246	4.953.874.968	1.581.065.983	13.637.470.050
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(841.234.225)	-	(841.234.225)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>22.833.963.064</b>	<b>25.622.389.911</b>	<b>34.348.954.570</b>	<b>29.660.114.294</b>	<b>112.465.421.839</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2017	5.031.279.816	9.923.978.022	11.994.546.127	3.341.048.558	30.290.852.523
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>1.006.255.963</b>	<b>8.553.374.594</b>	<b>32.399.663.187</b>	<b>3.353.880.075</b>	<b>45.313.173.819</b>

Tại ngày 31/12/2017, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 67.906.941.605 VND (tại ngày 31/12/2016 là 64.159.792.328 VND).

Trong năm 2017, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của tài sản “Nhà điều hành và Công trình phụ trợ” từ 96 tháng xuống 64 tháng để phù hợp với kế hoạch di chuyển sang cơ sở mới của Công ty, theo đó chi phí khấu hao tài sản cố định trong năm 2017 tăng lên khoảng 2,8 tỷ VND.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

## 4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

## 4.7 Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2017	2.852.240.000	2.852.240.000
Mua sắm	2.293.181.818	2.293.181.818
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>5.145.421.818</b>	<b>5.145.421.818</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2017	2.660.684.978	2.660.684.978
Khấu hao	150.592.367	150.592.367
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>2.811.277.345</b>	<b>2.811.277.345</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2017	191.555.022	191.555.022
Tại ngày 31/12/2017	2.334.144.473	2.334.144.473

Tại ngày 31/12/2017, nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 2.418.260.000 VND (tại ngày 31/12/2016 là 214.630.000 VND).

## 4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đây là dự án đầu tư xây dựng "Cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài" đã được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt theo Quyết định số 03/QĐ-NCS-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2016. Theo đó, Công ty sẽ làm chủ đầu tư và dự án có tổng mức đầu tư là 685.541.927.000 VND được đầu tư bằng nguồn vốn chủ sở hữu và vốn huy động khác, trong đó chia làm hai giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 1 (đến năm 2025): 477.349.160.000 VND; và
- Giai đoạn 2 (đến năm 2035): 208.192.767.000 VND.

Đến ngày 31/12/2017, dự án cơ bản đã hoàn thành việc giải phóng mặt bằng và bắt đầu triển khai các hạng mục liên quan. Tập hợp chi phí dự án "Cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài" như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
<b>Dự án "Cơ sở chế biến suất ăn HK Nội Bài"</b>	<b>161.395.322.416</b>	<b>23.371.506.654</b>
Lập dự án đầu tư xây dựng	7.209.866.696	3.912.593.969
Giải phóng mặt bằng, giao và nhận đất	13.956.582.318	11.064.397.777
Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán chi tiết	6.800.000.000	6.800.000.000
Thẩm tra, thẩm định và phê duyệt	974.070.576	974.070.576
Chi phí mời thầu và dự thầu	445.177.272	445.177.272
Thi công xây dựng	95.175.097.732	-
Lắp đặt thiết bị và chạy thử	33.332.509.091	-
Chi phí lãi vay được vốn hóa	2.632.051.274	-
Chi phí khác	869.967.457	175.267.060
<b>Cộng</b>	<b>161.395.322.416</b>	<b>23.371.506.654</b>

Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai của Dự án và quyền tài sản, lợi ích phát sinh, các khoản bảo hiểm, lợi thế thương mại và các khoản thanh toán khác phát sinh từ Dự án đã được thế chấp theo hợp đồng số 68/2017/HĐCVĐATL/NHCT144-NCS ngày 13 tháng 6 năm 2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đông Anh như trình bày tại Thuyết minh số 4.12 "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn".





**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh  
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.9 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
<b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>502.549.609</b>	<b>443.963.237</b>
Công ty Cổ phần DV Hàng không Sân bay Nội Bài	502.549.609	443.963.237
<b>Phải trả người bán bên thứ ba</b>	<b>36.926.937.764</b>	<b>25.511.316.695</b>
Công ty TNHH Thực phẩm Cao cấp	3.186.280.840	2.663.806.900
Công ty TNHH Hoàng Lộc	3.546.168.060	2.861.208.216
Công ty TNHH Thiên Sơn	3.294.931.750	2.997.907.170
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP	5.829.132.100	
Các nhà cung cấp khác	21.070.425.014	16.988.394.409
<b>Cộng</b>	<b>37.429.487.373</b>	<b>25.955.279.932</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh  
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.10 Thuế và các khoản khác phải nộp, phải thu Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2017 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 31/12/2017 VND	
	Số dư		Tăng	Hoàn/khấu trừ	Số dư	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT được khấu trừ	332.363.302		37.402.768.833	32.318.359.793	5.416.772.342	
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	22.083.152.546	22.083.152.546	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.388.100.684	17.895.798.580	22.055.903.670	-	7.548.205.774
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.429.693.370	2.762.230.569	2.555.862.960	-	1.223.325.761
Các loại thuế khác	-	-	906.303.179	906.303.179	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>4.817.794.054</b>	<b>43.647.484.874</b>	<b>47.601.222.355</b>	-	<b>8.771.531.535</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ẨM HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**

Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh

huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12.617.563.503	10.447.688.203
Quỹ thưởng Ban Điều hành Công ty	300.000.000	250.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.917.563.503</b>	<b>10.697.688.203</b>

Trong kỳ, Công ty thực hiện tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi 8.309.466.630 VND và quỹ thưởng Ban Điều hành công ty 300.000.000 VND.

**4.12 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Tại ngày 01/01/2017 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 31/12/2017 VND
<b>Vay dài hạn</b>				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đông Anh	-	134.621.949.686	-	134.621.949.686
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>134.621.949.686</b>	<b>-</b>	<b>134.621.949.686</b>

Công ty đã ký hợp đồng tín dụng số 68/2017/HĐCVĐATL/NHCT144-NCS ngày 13 tháng 6 năm 2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đông Anh với hạn mức 330.000.000.000 VND, thời hạn vay tối đa là 120 tháng.

**Lãi suất của hợp đồng:**

- Lãi suất 7,5%/năm được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Sau 12 tháng lãi suất được áp dụng là lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 1,8%/năm;
- Lãi vay được thanh toán 3 tháng/lần, kỳ thanh toán lãi đầu tiên là ngày 25/9/2017.

**Tài sản thế chấp**

- Máy móc thiết bị hình thành từ dự án đầu tư theo hợp đồng thế chấp số 27/2017-HĐTCMMTB/NHCCT144-NCS ngày 12 tháng 6 năm 2017 với giá trị tạm tính 261.640.751.959 VND;
- Quyền tài sản, lợi ích phát sinh, các khoản bảo hiểm, lợi thế thương mại và các khoản thanh toán khác phát sinh từ Dự án đầu tư "Cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài – Giai đoạn I" theo hợp đồng thế chấp số 28/2017-HĐTCMMTB/NHCCT144-NCS ngày 12 tháng 6 năm 2017 với giá trị tạm tính là 477.349.160.000 VND.

Thời gian ân hạn gốc của khoản vay được xác định là 24 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên.

Trong vòng năm (05) ngày làm việc sau "ngày cuối cùng của Thời gian Ân hạn", Bên cho vay sẽ lập và thông báo lịch trả nợ gốc xác định số dư nợ gốc phải thanh toán từng kỳ. Nợ gốc sẽ được thanh toán trong ba mươi hai (32) kỳ liên tiếp trên cơ sở kỳ hạn 03 tháng vào ngày trùng với ngày thanh toán lãi tương ứng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh  
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.13 Vốn chủ sở hữu****4.13.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>79.999.750.000</b>	<b>(8.880.000)</b>	<b>47.029.089.164</b>	<b>127.019.959.164</b>
Góp vốn	39.803.590.000	-	-	39.803.590.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	84.655.601.776	84.655.601.776
Thuế TNDN phải nộp	-	-	(17.023.922.355)	(17.023.922.355)
Trả cổ tức năm 2015	-	-	(38.576.638.800)	(38.576.638.800)
Tạm chia cổ tức 2016	-	-	(23.997.261.000)	(23.997.261.000)
Thưởng ban điều hành 2016	-	-	(250.000.000)	(250.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 2016	-	-	(6.763.167.942)	(6.763.167.942)
Điều chỉnh tiền thưởng BĐH 2015	-	-	5.000.000	5.000.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi 2015	-	-	(319.078.050)	(319.078.050)
Điều chỉnh thưởng hoàn thành kế hoạch 2015	-	-	(161.761.167)	(161.761.167)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>119.803.340.000</b>	<b>(8.880.000)</b>	<b>44.597.861.626</b>	<b>164.392.321.626</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>119.803.340.000</b>	<b>(8.880.000)</b>	<b>44.597.861.626</b>	<b>164.392.321.626</b>
Góp vốn (i)	59.687.640.000	-	-	59.687.640.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	105.150.569.968	105.150.569.968
Thuế TNDN phải nộp	-	-	(22.055.903.670)	(22.055.903.670)
Trích thưởng ban điều hành 2016 (ii)	-	-	(40.000.000)	(40.000.000)
Chia cổ tức năm 2016 (ii)	-	-	(35.938.338.000)	(35.938.338.000)
Chia cổ tức lần 1 năm 2017 (iii)	-	-	(23.958.892.000)	(23.958.892.000)
Tạm trích quỹ thưởng ban điều hành 2017 (iv)	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 2017 (iv)	-	-	(8.309.466.630)	(8.309.466.630)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>179.490.980.000</b>	<b>(8.880.000)</b>	<b>59.145.831.294</b>	<b>238.627.931.294</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**

Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh  
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.13 Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

**4.13.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (tiếp)**

(i) Trong tháng 10/2017, Công ty đã thực hiện ghi nhận tăng vốn trong kỳ theo kết quả phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu dựa trên các căn cứ pháp lý sau:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-NCS-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2017 thông qua phương án phát hành chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ dự kiến thêm 59.897.230.000 VND;
- Nghị quyết số 18/NQ-NCS-HĐQT ngày 11/10/2017 của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài thông qua kết quả phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Ngày kết thúc đợt chào bán là ngày 10/10/2017;
- Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 25/BC-NCS ngày 17/10/2017 của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Công văn số 7298/UBCK-QLCB ngày 27/10/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc đã nhận tài liệu Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài và thông tin số lượng cổ phiếu chào bán thành công là 5.968.764 cổ phiếu.

Theo đó, tổng số tiền thu từ các cổ đông hiện hữu là 59.687.640.000 VND. Mục đích của việc phát hành cổ phiếu này để đầu tư vào gói thầu "Thiết bị rửa" và "Thiết bị bếp" của giai đoạn 1 dự án "Đầu tư xây dựng cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài". Đến ngày 31/12/2017 Công ty chưa thanh toán hết cho các nhà thầu do chưa đến hạn hợp đồng.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-NCS-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2017, Công ty thực hiện thanh toán phần cổ tức năm 2016 còn lại cho các cổ đông với số tiền 35.938.338.000 VND và thực hiện điều chỉnh thưởng ban điều hành năm 2016 với số tiền 40.000.000 VND.

(iii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 15/NQ-NCS-HĐQT ngày 30/8/2017, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2017 theo tỷ lệ 20%/cổ phiếu tương ứng 23.958.892.000 VND (01 cổ phiếu nhận được 2.000 VND). Trong kỳ, Công ty đã hoàn thành việc chia cổ tức cho các Cổ đông.

(iv) Trong kỳ, Công ty thực hiện tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban Điều hành dựa theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**

Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh  
 huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.13 Vốn chủ sở hữu (tiếp)****4.13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận ĐKDN		Số vốn đã góp			
			Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	1.000 VND	%	1.000 VND	%	1.000 VND	%
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	72.004.050	60,10	108.006.070	60,17	72.004.050	60,10
Công ty TNHH MTV DV HK SB Tân Sơn Nhất	12.000.670	10,02	18.001.000	10,03	12.000.670	10,02
Công ty TNHH MTV Suất ăn HK Việt Nam	2.040.100	1,70	3.060.150	1,70	2.040.100	1,70
Các cổ đông khác	33.758.520	28,18	50.414.880	28,09	33.749.640	28,17
Cổ phiếu quỹ	-	-	8.880	0,01	8.880	0,01
<b>Cộng</b>	<b>119.803.340</b>	<b>100</b>	<b>179.490.980</b>	<b>100</b>	<b>119.803.340</b>	<b>100</b>

Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tương ứng với số vốn góp mới của các cổ đông.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.13 Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

**4.13.3 Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.970.057	11.999.518
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.949.098	11.980.334
- Cổ phiếu phổ thông	17.949.098	11.980.334
Số lượng cổ phiếu được mua lại	888	888
- Cổ phiếu phổ thông	888	888
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.948.210	11.979.446
- Cổ phiếu phổ thông	17.948.210	11.979.446
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**4.13.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	83.094.666.298	67.631.679.421
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(8.649.466.630)	(7.327.245.992)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	16.221.232	14.863.882
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>4.589</b>	<b>4.057</b>

**Ghi chú:** Hiện tại, Công ty chưa có kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**4.14 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	4.849,40	2.486,47

**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh  
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu cung cấp suất ăn	488.808.903.758	421.329.916.491
Doanh thu cung cấp dịch vụ	139.385.458.145	122.710.482.641
Doanh thu khác	1.958.181.822	1.952.727.276
<b>Cộng</b>	<b>630.152.543.725</b>	<b>545.993.126.408</b>

**5.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chiết khấu thương mại	15.867.734.373	13.011.741.049
<b>Cộng</b>	<b>15.867.734.373</b>	<b>13.011.741.049</b>

**5.3 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	393.917.774.511	365.004.511.780
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	85.618.324.037	60.848.559.367
<b>Cộng</b>	<b>479.536.098.548</b>	<b>425.853.071.147</b>

**5.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	932.159.819	1.686.360.838
Lãi chênh lệch tỷ giá	710.277.481	1.165.257.461
Doanh thu tài chính khác	3.824.147	-
<b>Cộng</b>	<b>1.646.261.447</b>	<b>2.851.618.299</b>

**5.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí in các ấn phẩm quảng cáo	100.000.000	3.000.000
Chi phí chăm sóc khách hàng, chế thử, chào hàng	5.375.979.153	4.677.315.489
Phí nhượng quyền khai thác	1.764.225.000	1.423.900.000
<b>Cộng</b>	<b>7.240.204.153</b>	<b>6.104.215.489</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**

**5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.849.123.844	8.829.977.284
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	58.717.452	485.577.584
Chi phí khấu hao tài sản	5.177.057.510	2.857.700.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài	202.094.663	236.044.209
Chi phí khác bằng tiền	8.245.273.755	6.974.796.573
<i>Trong đó:</i>		
- Chi trang phục	460.248.179	458.625.454
- Chi công tác phí	1.213.274.682	1.564.032.164
- Chi phí tiếp khách, hội họp	2.618.198.823	2.181.831.684
- Chi phí bằng tiền khác	3.953.552.071	2.770.307.271
<b>Cộng</b>	<b>23.532.267.224</b>	<b>19.384.096.574</b>

**5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong kỳ khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>105.150.569.968</b>	<b>84.655.601.776</b>
<b>Điều chỉnh các khoản tăng lợi nhuận</b>	<b>3.893.384.302</b>	<b>464.010.000</b>
<b>Các khoản chênh lệch vĩnh viễn</b>	<b>3.893.384.302</b>	<b>464.010.000</b>
Chi phí không được trừ	3.893.384.302	464.010.000
<b>Lợi nhuận sau điều chỉnh</b>	<b>109.043.954.270</b>	<b>85.119.611.776</b>
<b>Thu nhập tính thuế ước tính trong kỳ</b>	<b>109.043.954.270</b>	<b>85.119.611.776</b>
Thuế suất (%)	20%	20%
<b>Thuế TNDN ước tính trong kỳ</b>	<b>21.808.790.854</b>	<b>17.023.922.355</b>
Thuế TNDN kỳ trước bị truy thu	247.112.816	-
<b>CP thuế TNDN hiện hành ước tính</b>	<b>22.055.903.670</b>	<b>17.023.922.355</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	3.388.100.684	6.450.320.388
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(17.895.798.580)	(20.086.142.059)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b>7.548.205.774</b>	<b>3.388.100.684</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**

**5.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2017 VND</b>	<b>Năm 2016 VND</b>
Chi phí nhân công	125.881.459.628	113.128.679.555
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	279.918.918.673	247.621.007.059
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.788.062.417	9.974.882.808
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.445.825.465	36.553.196.016
Chi phí khác bằng tiền	53.594.636.318	44.335.526.905
<b>Cộng</b>	<b>510.628.902.501</b>	<b>451.613.292.343</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Công cụ tài chính**

**6.1.1 Các loại công cụ tài chính**

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>Tại ngày 31/12/2017 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2017 VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.799.342.379	92.008.370.799
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.384.345.927	56.383.721.665
<b>Cộng</b>	<b>150.183.688.306</b>	<b>148.392.092.464</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	134.621.949.686	-
Phải trả người bán và phải trả khác	37.951.932.110	26.065.226.734
Chi phí phải trả	211.439.589	480.803.162
<b>Cộng</b>	<b>172.785.321.385</b>	<b>26.546.029.896</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**6.1 Công cụ tài chính (tiếp)**

**6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: Rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

**Rủi ro tỷ giá**

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ liên quan chủ yếu tới hoạt động của Công ty như một số chi phí, thu nhập, các khoản vay của Công ty bằng đồng tiền khác với đồng tiền hạch toán của Công ty – VND.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ. Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>Ngoại tệ</b>	<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>Tại ngày 01/01/2017</b>
<b>Tài sản tài chính</b>	<b>USD</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	USD	4.849,40	2.486,47
Phải thu khách hàng và phải thu khác	USD	1.220.048,80	1.103.522,07
<b>Nợ phải trả tài chính</b>	<b>USD</b>	-	-
<b>Tài sản tài chính thuần</b>	<b>USD</b>	<b>1.224.898,20</b>	<b>1.106.008,54</b>

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu các rủi ro về thay đổi tỷ giá đối với loại ngoại tệ USD. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/(giảm) 1% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	<b>Tăng/(giảm) tỷ giá (%)</b>	<b>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</b>	
		<b>Năm 2017 VND</b>	<b>Năm 2016 VND</b>
USD	1%	277.561.932	251.285.140

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****6.1 Công cụ tài chính (tiếp)****6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)****Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty không có rủi ro lãi suất trong ngắn hạn do các khoản tiền gửi, và các khoản nợ vay đang được áp dụng lãi suất cố định.

**Rủi ro về giá nguyên vật liệu**

Công ty mua nguyên vật liệu chủ yếu từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro về giá cổ phiếu**

Công ty không nắm giữ các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết, do đó Công ty không bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Dưới đây là bảng tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Tại ngày 31/12/2017			Cộng VND
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	-	-	134.621.949.686	134.621.949.686
Phải trả người bán và phải trả khác	37.951.932.110	-	-	37.951.932.110
Chi phí phải trả	211.439.589	-	-	211.439.589
<b>Cộng</b>	<b>38.163.371.699</b>	<b>-</b>	<b>134.621.949.686</b>	<b>172.785.321.385</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**

Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh

huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****6.1 Công cụ tài chính (tiếp)****6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)**

	Tại ngày 01/01/2017			Cộng VND
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	
<b>Công nợ tài chính</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	26.065.226.734	-	-	26.065.226.734
Chi phí phải trả	480.803.162	-	-	480.803.162
<b>Cộng</b>	<b>26.546.029.896</b>	-	-	<b>26.546.029.896</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam CTCP – Công ty mẹ (VNA) và các công ty trong cùng VNA, các cổ đông, các thành viên trong Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

**Giao dịch với các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**Bán hàng**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	346.686.461.528	322.809.234.410
<i>Trong đó chiết khấu</i>	<i>(11.801.426.832)</i>	<i>(11.199.860.503)</i>
Chi nhánh Công ty CP HK Jetstar Pacific Airlines	4.046.609.173	3.620.154.772
<i>Trong đó chiết khấu</i>	-	<i>(121.423.519)</i>
Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	1.229.000.000	1.198.250.000
Công ty Bay Dịch vụ Hàng không - VASCO	2.562.879.800	2.022.913.370
<b>Cộng</b>	<b>342.723.523.669</b>	<b>318.329.268.530</b>

**Mua hàng**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	-	2.857.257.204
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	67.530.467	39.544.025
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	-	848.636.910
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO	2.291.462.148	1.676.443.946
<b>Cộng</b>	<b>2.358.992.615</b>	<b>5.421.882.085</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)**

**Giao dịch khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	25.242.550	39.544.025
Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	3.066.612.539	4.211.908.210
<b>Cộng</b>	<b>3.091.855.089</b>	<b>4.251.452.235</b>

**Chia cổ tức, chi trả cổ tức và tặng vốn**

Xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.13.1 "Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu".

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.506.026.685	2.034.724.442
Thù lao của HĐQT, BKS	507.606.667	604.800.000
<b>Cộng</b>	<b>2.013.633.352</b>	<b>2.639.524.442</b>

**Số dư với các bên liên quan**

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh số 4.2 "Phải thu ngắn hạn của khách hàng";
- Thuyết minh số 4.9 "Phải trả người bán ngắn hạn".

**6.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**6.4 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của kỳ trước được phân loại và trình bày lại để phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính của kỳ này.



Trần Thanh Sơn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 02 năm 2018

Võ Đức Hiếu  
Kế toán trưởng

Vũ Thị Thu Hà  
Người lập